TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ – ST.
Ngày: 14/5/2021
V/v : Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tưởng

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị X - SN 1977 "Có mặt"

2. *Bị đơn*: Anh Lê Hoài N - SN 1972 " Vắng mặt";

Cùng địa chỉ: Đội 3, phường Th, thành phố T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoài N chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau hơn nữa anh N luôn đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lê Hoài N là vợ chồng.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Anh Lê Văn C, sinh ngày 25/6/1996 và anh Lê Văn T, sinh ngày 29/1/2001. Hai cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản, công nợ: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Hoài N theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến Tòa án để tự khai và tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Chị X và anh N đều cư trú tại thành phố T. Chị X có đơn đề nghị Tòa án không công chị và anh N là vợ chồng. Do vậy Tòa án thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Chị X đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh N là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị X và anh Lê Hoài N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình giải quyết chị X khai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Chị Dương Thị X và anh Lê Hoài N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình anh chị chung sống đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Địa phương đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay anh N, chị X đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy việc anh chị kết hôn mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị X có đơn

yêu cầu không công nhận chị và anh N là vợ chồng, căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ xử không công nhận anh chị là vợ chồng là có cơ sở.

[3] Về con **:** Anh chị có 02 con chung. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động, chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị X không yêu cầu giải quyết**.**

[5] Về án phí **:** Chị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị X và anh Lê Hoài N là vợ chồng.

Về con: Công nhận anh chị có 02 con chung là anh Lê Văn C, sinh ngày 25/6/1996 và anh Lê Văn T, sinh ngày 29/1/2001. Hiện hai cháu đã thành niên, có khả năng lao động, chị X không yêu cầu giải quyết .

Về tài sản, công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa giải quyết.

Án phí: Chị Dương Thị X phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012828 ngày 18/01/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (chị X đã nộp đủ án phí).

Chị Dương Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoài N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND phường Th, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Long